

Bản án số: 164/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2024

V/v: “tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phạm Thị Kiều N**, sinh năm 1992. *Vắng mặt*

Địa chỉ: **thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.**

- Bị đơn: anh **Lê Văn P**, sinh năm 1986. *Vắng mặt*

Địa chỉ: **thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2024, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị **Phạm Thị Kiều N** trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh **P** tự nguyện kết hôn, được **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 18/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

thường xuyên cãi nhau. Đến nay, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Phạm Thu H, sinh ngày 18/02/2016. Hiện nay, cháu H đang do chị N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/6/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/8/2024, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với quan hệ hôn nhân, yêu cầu được nuôi cháu Lê Phạm Thu H. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với bị đơn - anh Lê Văn P: từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P, nhưng anh P vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kiều N.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: nguyên đơn - chị N nộp 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh; 01 bản phô tô căn cước công dân; 01 bảng lương các tháng 02, 3, 4 năm 2024, 01 bản chính Giấy xác nhận học sinh đang đi học của Trường tiểu học H1. Tòa án thu thập: 01 biên bản xác minh ngày 26/4/2024, Ủy ban nhân dân xã Q cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân của chị N và anh P; biên bản xác minh ngày 26/4/2024, Công an xã Q cho biết: “anh P có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh **P** có nơi cư trú tại **thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**. Chị **N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **P** và được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị **Phạm Thị Kiều N** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn – anh **Lê Văn P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị **Phạm Thị Kiều N** và anh **Lê Văn P** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 18/9/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị **N**, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **P** không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị **N**. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **N** là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị **Phạm Thị Kiều N** và anh **Lê Văn P** có 01 con chung tên **Lê Phạm Thu H**, sinh ngày 18/02/2016. Chị **N** yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **P** không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị **N**. Hiện chị **N** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**. Tại bản tự khai, cháu **H** có nguyện vọng được sống với chị **N**. Hơn nữa, cháu **H** đang học tập ổn định tại **trường tiểu học H1**. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu **H** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị **N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị **Phạm Thị Kiều N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Kiều N** đối với anh **Lê Văn P** về việc "*tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị Kiều N** và anh **Lê Văn P**.
2. Về con chung: có 01 cháu tên là **Lê Phạm Thu H**, sinh ngày 18/02/2016.

Giao cháu **Lê Phạm Thu H** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **N** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh **P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: không có.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị **Phạm Thị Kiều N** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị **N** đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010384 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự

phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế An (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 18/9/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan